

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681 (Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/6/2011 về việc tăng Vốn điều lệ.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
Tên giao dịch tiếng Anh: Haiphong Paint Joint Stock Company
Vốn điều lệ: 80.071.770.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh sơn các loại;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất thông thường.

Trụ sở chính: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch
	Bà Phạm Thị Hương Lan	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
	Bà Bùi Kim Ngọc	Ủy viên
	Ông Nguyễn Mộng Lân	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Viện	Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Thị Hương Lan	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/3/2011)
	Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Nguyễn Văn Viên
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 6 tháng 4 năm 2012

Số.269/2012/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011, của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 6/4/2012 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2012

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		225.236.462.131	207.773.149.377
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	15.239.939.693	25.626.265.717
1. Tiền	111		15.239.939.693	23.626.265.717
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.329.423.322	81.835.508.286
1. Phải thu khách hàng	131		77.252.946.248	88.736.041.656
2. Trả trước cho người bán	132		20.702.411.543	2.750.485.165
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	7.412.517.506	1.899.477.197
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.038.451.975)	(11.550.495.732)
IV- Hàng tồn kho	140		109.358.811.258	97.895.530.039
1. Hàng tồn kho	141	5.3	109.358.811.258	97.895.530.039
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.308.287.858	2.415.845.335
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.625.700.942	426.155.143
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	-	594.019.232
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	682.586.916	1.395.670.960
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		135.761.095.298	122.607.851.712
II- Tài sản cố định	220		66.031.121.650	73.251.549.081
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	65.160.875.604	65.548.419.280
- Nguyên giá	222		115.131.929.655	110.601.120.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.971.054.051)	(45.052.700.813)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	130.344.121	166.013.329
- Nguyên giá	228		1.003.757.280	1.003.757.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(873.413.159)	(837.743.951)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	739.901.925	7.537.116.472
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		67.870.944.723	49.051.934.338
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	45.261.092.947	41.985.662.338
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	26.009.851.776	10.466.272.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	5.11	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
V- Tài sản dài hạn khác	260		1.859.028.925	304.368.293
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	1.859.028.925	296.123.043
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	8.245.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		360.997.557.429	330.381.001.089

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	
			VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	404.134.201.037	352.966.696.480
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	836.793.264	635.729.448
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	403.297.407.773	352.330.967.032
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	311.416.348.814	258.783.436.089
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		91.881.058.959	93.547.530.943
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	2.637.063.917	4.672.878.653
7. Chi phí tài chính	22	5.22	30.322.778.164	19.843.996.130
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.168.478.663	12.600.440.766
8. Chi phí bán hàng	24	5.23	36.968.626.238	31.273.032.452
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.24	15.819.158.859	11.813.535.577
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		11.407.559.615	35.289.845.437
11. Thu nhập khác	31	5.25	9.086.041.177	883.943.920
12. Chi phí khác	32	5.25	53.506.119	136.679.581
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		9.032.535.058	747.264.339
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		539.726.755	718.866.886
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		20.979.821.428	36.755.976.662
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	3.028.836.729	5.914.212.785
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		8.245.250	(8.245.250)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		17.942.739.449	30.850.009.127
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		955.921	604.372.402
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		17.941.783.528	30.245.636.725
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		5.27	2.384	4.926

Kế toán trưởng



Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 6 tháng 4 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Viện

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011		Năm 2010	
			VND	VND	VND	VND
1	2	3	4	5	6	7
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.979.821.428		36.755.976.662	
2. Điều chỉnh cho các khoản						
- Khấu hao tài sản cố định	02		6.227.519.286		8.856.449.854	
- Các khoản dự phòng	03		(4.512.043.757)		(5.810.457.607)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		621.888.000		431.085.000	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.973.427.554)		(5.991.406.051)	
- Chi phí lãi vay	06		23.168.478.663		12.600.440.766	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.512.236.066		46.842.088.624	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.674.768.003)		15.900.912.603	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.463.281.219)		(9.067.825.673)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.070.725.291)		6.638.517.990	
- Tăng, giảm chi phải trả trước	12		(2.762.451.681)		(156.384.247)	
- Tiền lãi vay đã trả	13		(22.649.730.280)		(12.610.018.301)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.859.917.335)		(6.578.688.911)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.791.439.021		2.070.344.003	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.304.078.020)		(4.760.083.098)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(25.481.276.742)		38.278.862.990	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.616.083.855)		(12.112.504.862)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.000.000.000		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(680.000.000)		(11.366.898.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-		1.873.350.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		307.260.517		166.688.184	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.988.823.338)		(21.439.364.678)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		327.198.360.460		232.161.584.873	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(298.669.141.045)		(224.216.488.046)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.432.424.115)		(6.007.650.800)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		20.096.795.300		1.937.446.027	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(10.373.304.780)		18.776.944.339	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25.626.265.717		6.851.549.362	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(13.021.244)		(2.227.984)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		15.239.939.693		25.626.265.717	

Kế toán trưởng



Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 6 tháng 4 năm 2012
 Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Viện

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng và Công ty con.

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681(Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/6/2011 về việc tăng Vốn điều lệ.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 Tên giao dịch tiếng Anh: Haiphong Paint Joint Stock Company
 Vốn điều lệ: 80.071.770.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh sơn các loại;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất thông thường.

Trụ sở chính: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng Số 2 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203003498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/9/2007, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 3 ngày 24/6/2011 về việc thay đổi trụ sở chính Công ty. Tháng 8/2011 Công ty tăng vốn điều lệ từ 20.041.000.000 đồng lên 20.644.910.000 đồng. Hiện tại Công ty đang làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng sở hữu 51% vốn điều lệ.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng Số 2
 Tên giao dịch tiếng Anh: Haiphong Paint Joint Stock Company No.2
 Vốn điều lệ: 20.644.910.000 VND
 Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghệ Trảng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sơn, véc ni và các hóa chất sơn, quét tương tự, ma tít; mực in...

Công ty được Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000017 ngày 19/6/2008. Theo đó:

Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng Nhà máy Sơn tĩnh điện và sơn nước.
 Mục tiêu và quy mô dự án: Sản xuất sơn công nghiệp với quy mô sơn bột tĩnh điện 1.000 tấn/năm; sơn nước là 5.000 tấn/năm.
 Tổng vốn đầu tư: 30.350.000.000 VND
 Thời gian thực hiện dự án: 50 năm

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực, có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2011.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Công cụ tài chính bao gồm Tài sản tài chính và Công nợ tài chính.

Tài sản tài chính: Tiền và các khoản tương đương tiền; Đầu tư ngắn hạn và dài hạn, Phải thu khác hàng và các khoản phải thu khác

Công nợ tài chính: Các khoản vay, nợ ngắn hạn dài hạn; Phải trả người bán và phải trả khác ngắn hạn và dài hạn; Chi phí phải trả

Tài sản tài chính và Công nợ tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính hoặc hình thành nên công nợ tài chính. Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại Công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các tài sản dưới dạng ngoại tệ và công nợ ngắn hạn bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31/12 hàng năm. Năm 2010, 2011 Công ty xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009. Nếu xử lý chênh lệch theo hướng dẫn của VAS 10 thì kết quả kinh doanh năm 2010, 2011 của Công ty lãi thêm số tiền lần lượt là 852.798.138 đồng, 163.423.366 đồng.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Trong năm 2011, Công ty đã thu hồi được một số khoản công nợ phải thu khó đòi đã được trích lập dự phòng năm 2008, 2009, 2010 do vậy, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng tương ứng với số nợ thực tế thu được của các khoản công nợ này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp tính giá thành giản đơn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	Số năm	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50	05 - 20
Máy móc, thiết bị	10	05 - 10
Phương tiện vận tải	10	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 - 10	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	05-08	05

Trong năm 2011, Công ty đã thực hiện đánh giá lại thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản cố định. Do vậy, Công ty thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định hữu hình. Việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới làm chi phí khấu hao năm 2011 giảm 2.889.080.759 đồng so với việc áp dụng tỷ lệ khấu hao như năm 2010.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm Chi phí cấp chứng nhận ISO, phần mềm kế toán, quyền phát hành và Hệ thống quản lý môi trường.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp của tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm và chi phí để có quyền thuê đất và tiền mua công thức sơn năm 2012. Chi phí có quyền thuê đất tại Xã An Đông, huyện An Dương, Hải Phòng được phân bổ 36 năm. Tiền mua công thức sơn là khoản tiền trả trước từ tháng 1 đến tháng 4/2012.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm: Chi phí tiền bản quyền sử dụng công thức son, chi phí lãi vay và các chi phí khác. Đây là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Công ty có hai dự án đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất đã đi vào hoạt động. Trong đó Dự án đầu tư lắp đặt dây chuyền sơn tàu biển (Dự án 01) đi vào hoạt động từ năm 2008, dự án đầu tư lắp đặt dây chuyền sơn Coil (Dự án 02) đi vào hoạt động từ năm 2009. Căn cứ theo quy định, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo mức miễn 1 năm và giảm 2 năm tiếp theo phần thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại. Năm 2011 là năm thứ hai Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần tăng thêm từ dự án 02. Trong năm 2011, Công ty được miễn giảm 30% thuế thu nhập phải nộp trong năm đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.662.630.336	320.881.965
Tiền gửi ngân hàng	13.577.309.357	23.305.383.752
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
Tổng	15.239.939.693	25.626.265.717

5.2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	2.341.055	79.196.502
Các khoản phải thu khác	7.410.176.451	1.820.280.695
<i>Công ty cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam (cho vay)</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần bao bì VLC (cho vay)</i>	<i>1.322.471.792</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu lãi liên kết</i>	<i>1.413.254.400</i>	<i>1.174.377.200</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>2.674.450.259</i>	<i>645.903.495</i>
Tổng	7.412.517.506	1.899.477.197

5.3. Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	76.073.789.324	62.676.066.156
Công cụ, dụng cụ	2.985.834.144	2.053.833.641
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	629.314.385	599.964.395
Thành phẩm	29.589.812.485	32.222.611.771
Hàng hoá	-	141.761.481
Hàng gửi đi bán	80.060.920	201.292.595
Tổng	109.358.811.258	97.895.530.039

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	426.155.143	244.297.905
Tăng	3.425.238.490	1.682.318.187
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.225.692.691	1.500.460.949
Tại ngày 31 tháng 12	1.625.700.942	426.155.143
	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Dàn quảng cáo	146.000.000	162.480.000
Tiền thuê điểm quảng cáo	27.555.556	11.666.664
Mua bảo hiểm	198.835.858	26.547.250
Chi phí bản quyền 3 tháng năm 2012	196.988.969	162.765.197
Chi phí đăng kiểm	252.170.000	-
Chi phí dự án IPP	211.981.318	-
Chi phí Sơn chống hà	65.700.000	-
Chi phí Sơn tẩm lợp	116.452.322	-
Chi phí sơn sản chịu lực	57.800.000	-
Công cụ dụng cụ	-	4.300.000
Chi phí khác	352.216.919	58.396.032
Tổng	1.625.700.942	426.155.143

5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nộp thừa	-	593.303.886
Thuế xuất nhập khẩu	-	715.346
Tổng	-	594.019.232

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	542.405.374	855.328.274
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	140.181.542	540.342.686
Tổng	682.586.916	1.395.670.960

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.7. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2011	41.674.867.332	51.327.168.357	10.440.268.931	6.814.527.517	344.287.956	110.601.120.093
Tăng trong năm	4.301.755.227	425.332.804	753.499.546	323.725.088	-	5.804.312.665
Mua trong năm	130.980.000	304.123.981	-	323.725.088	-	758.829.069
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.170.775.227	121.208.823	753.499.546	-	-	5.045.483.596
Giảm trong năm	700.275.247	20.400.000	208.539.900	-	344.287.956	1.273.503.103
Thanh lý, nhượng bán	700.275.247	20.400.000	208.539.900	-	344.287.956	1.273.503.103
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>45.276.347.312</u>	<u>51.732.101.161</u>	<u>10.985.228.577</u>	<u>7.138.252.605</u>	-	<u>115.131.929.655</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2011	11.213.389.361	25.322.523.222	3.584.097.718	4.588.402.556	344.287.956	45.052.700.813
Tăng trong năm	1.725.741.046	3.241.258.928	823.692.912	401.163.455	-	6.191.856.341
Khấu hao trong năm	1.725.741.046	3.241.258.928	823.692.912	401.157.192	-	6.191.850.078
Tăng khác	-	-	-	6.263	-	6.263
Giảm trong năm	700.275.247	20.400.000	208.539.900	-	344.287.956	1.273.503.103
Thanh lý, nhượng bán	700.275.247	20.400.000	208.539.900	-	344.287.956	1.273.503.103
Số dư tại 31/12/2011	<u>12.238.855.160</u>	<u>28.543.382.150</u>	<u>4.199.250.730</u>	<u>4.989.566.011</u>	-	<u>49.971.054.051</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2011	30.461.477.971	26.004.645.135	6.856.171.213	2.226.124.961	-	65.548.419.280
Tại 31/12/2011	<u>33.037.492.152</u>	<u>23.188.719.011</u>	<u>6.785.977.847</u>	<u>2.148.686.594</u>	-	<u>65.160.875.604</u>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

40.366.643.212

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

20.773.827.959

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.8. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	Hệ thống quản lý môi trường	Tài sản cố định khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2011	419.561.542	141.812.000	184.015.238	258.368.500	1.003.757.280
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>419.561.542</u>	<u>141.812.000</u>	<u>184.015.238</u>	<u>258.368.500</u>	<u>1.003.757.280</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2011	419.561.542	136.812.004	23.001.905	258.368.500	837.743.951
Tăng trong năm	-	4.999.996	30.669.212	-	35.669.208
Khấu hao trong năm	-	4.999.996	30.669.212	-	35.669.208
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>419.561.542</u>	<u>141.812.000</u>	<u>53.671.117</u>	<u>258.368.500</u>	<u>873.413.159</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2011	-	4.999.996	161.013.333	-	166.013.329
Tại 31/12/2011	-	-	130.344.121	-	130.344.121

5.9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	7.537.116.472	3.476.841.452
Tăng	4.682.562.620	6.286.234.027
Giảm	11.479.777.167	2.225.959.007
<i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	<i>5.045.483.596</i>	<i>1.928.151.742</i>
<i>Kết chuyển đầu tư liên doanh, liên kết</i>	<i>6.400.000.000</i>	
<i>Giảm khác</i>	<i>34.293.571</i>	<i>297.807.265</i>
Tại ngày 31/12	<u>739.901.925</u>	<u>7.537.116.472</u>
Chi tiết theo công trình	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phần mềm quản trị CAD	517.412.000	517.412.000
Công trình Nhà An Đồng	-	1.180.486.651
Dự án Khu công nghiệp Trảng Duyệt	-	5.723.304.123
Dự án Sơn Coil	-	92.785.823
Dự án Trung tâm Thương mại	-	4.542.420
Máy sàng rung	54.338.502	-
Mua thanh lý xe ô tô tải và sửa chữa	-	18.585.455
Máy chấm công	48.800.000	-
Máy sơn chống hà	18.780.374	-
Nhà văn phòng 3 tầng An Đồng	84.000.000	-
Chi phí đầu tư nhà để xe	16.571.049	-
Tổng	<u>739.901.925</u>	<u>7.537.116.472</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HN

5.10. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Sơn Dầu khí Việt Nam (*)	1.199.700	17.271.925.408	1.199.700	17.006.192.536
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu (**)	-	-	2.340.933	24.979.469.802
Công ty CP Tập đoàn VLC	2.800.000	27.989.167.539	-	-
Tổng	5.199.400	45.261.092.947	7.081.266	41.985.662.338

(*): Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng sở hữu 8:155.000.000 đồng tương đương 22,66% vốn điều lệ, các cổ đông khác do Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng đại diện đứng tên sở hữu là 3.842.000.000 đồng tương đương 10,67% vốn điều lệ.

(**): Trong năm 2011, Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng rút vốn góp vào Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu, tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm 31/12/2011 là 17% vốn điều lệ.

Thuyết minh đầu tư Công ty liên kết

STT	Tên công ty liên kết	Ngành nghề	Địa điểm	Vốn điều lệ (tr đồng)	% sở hữu theo thực tế 31/12/2011
1	Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Sản xuất các loại sơn	Tp. Hồ Chí Minh	36.000	33%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Sản xuất sơn và các ngành nghề khác	Tp. Hải Phòng	87.420	32%

5.11. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Công ty TNHH VICO	606.627	6.066.272.000	606.627	6.066.272.000
Công ty Cổ phần SIVICO	124.358	1.243.579.776	100.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	1.322.000	13.220.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bao Bi VLC	208.000	2.080.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tôn mạ Việt Pháp	340.000	3.400.000.000	340.000	3.400.000.000
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	(340.000)	(3.400.000.000)	(340.000)	(3.400.000.000)
Tổng	2.260.985	22.609.851.776	706.627	7.066.272.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.12. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	296.123.043	321.596.034
Tăng	2.244.498.028	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	681.592.146	25.472.991
Tại ngày 31 tháng 12	1.859.028.925	296.123.043
Chi tiết nội dung	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Quyền sử dụng Đất tại 149/1THP 25 HCM	-	77.045.760
Quyền sử dụng Đất tại An Đông	270.957.525	206.009.794
Quyền sử dụng đất tại Lạch Tray	-	13.067.489
Tiền mua công thức sơn	1.588.071.400	-
Tổng	1.859.028.925	296.123.043

5.13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn	145.008.900.525	102.815.475.171
Ngân hàng TNHH MTV ANZ	29.559.012.839	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	14.959.381.041	73.559.520.747
Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	87.179.220.550	13.779.241.716
Vay các cá nhân	13.311.286.095	15.476.712.708
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.270.252.000	10.132.520.000
Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	2.270.252.000	9.397.557.814
Tổng	147.279.152.525	112.947.995.171

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	600.355.321	1.296.436.462
Thuế xuất, nhập khẩu	358.423.257	2.019.351
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.960.081.562	3.791.162.168
Thuế thu nhập cá nhân	421.722.854	177.942.604
Tổng	4.340.582.994	5.424.350.548

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.15. Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sử dụng bản quyền phải trả CMP	1.179.748.803	956.044.639
Chi phí lãi vay phải trả	658.736.861	139.988.478
Chi phí phải trả khác	62.000.000	85.591.663
Tổng	1.900.485.664	1.181.624.780

5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	188.576.983	149.952.347
Phải trả cổ phần hóa	351.930.365	351.930.365
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.475.274.389	18.611.044.433
<i>Phải trả cổ tức các cổ đông</i>	<i>553.872.685</i>	<i>8.986.296.800</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>6.921.401.704</i>	<i>9.624.747.633</i>
Trung tâm thương mại	3.453.864.333	-
Tổng	11.469.646.070	19.112.927.145

5.17. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	10.423.600.206	16.225.538.145
Tổng	10.423.600.206	16.225.538.145

Theo các hợp đồng hạn mức tín dụng sau:

+ Hợp đồng hạn mức tín dụng trung hạn số 97/2006/HĐ ngày 06/09/2006, Văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 145-1/2007/BSHD; Biên bản bổ sung Hợp đồng tín dụng từ số 97.1 đến 97.3/2008 ngày 02/06/2008, theo đó: Mục đích vay: Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất son tàu biển, công trình biển và công nghiệp công suất 10.000 tấn/năm; Hạn mức tín dụng 27.000.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay theo lãi suất Ngân hàng thông báo bằng văn bản từng thời điểm.

+ Hợp đồng tín dụng dài hạn số 611/2008/HĐ ngày 23/5/2008, theo đó: Mục đích vay: Đầu tư dự án dây chuyền 2 sản xuất son tằm lọc; Số tiền vay: 12.910.000.000 đồng; thời hạn vay 72 tháng; Lãi suất thả nổi.

+ Hợp đồng tín dụng trung hạn số 632/2007/HĐ ngày 22/11/2007. Theo đó: Mục đích vay nhằm đầu tư xây dựng nhà máy son tinh điện và son nước tại KCN Trảng Dục với hạn mức là 12.350.000.000 đồng trong thời gian 60 tháng. Lãi suất thả nổi với sự điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản được hình thành từ dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

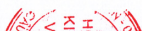
MÃU B 09-DN/HN

5.18. Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	59.000.000.000	11.742.888.000	7.250.586.886	-	(240.618.961)	20.955.943.413	3.777.926.380	12.342.671.620	114.829.397.338
Tăng trong năm	9.439.160.000	-	-	-	1.143.982.929	3.500.840.000	650.000.000	30.402.738.821	45.136.721.750
Tăng vốn	9.439.160.000	-	-	-	-	-	-	-	9.439.160.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	30.245.636.725	30.245.636.725
Đánh giá lại tỷ giá	-	-	-	-	1.143.982.929	-	-	-	1.143.982.929
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	3.500.000.000	650.000.000	-	4.150.000.000
Điều chỉnh lợi nhuận năm 2009	-	-	-	-	-	-	-	41.442.584	41.442.584
Tăng khác	-	-	-	-	-	840.000	-	115.659.512	116.499.512
Giảm trong năm	-	-	-	-	50.565.830	226.693.300	27.620.653	27.808.686.501	28.113.566.284
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	9.439.160.000	9.439.160.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	18.368.686.501	18.368.686.501
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	50.565.830	-	-	-	50.565.830
Phân bổ lãi cổ đông thiếu số	-	-	-	-	-	226.693.300	27.620.653	-	254.313.953
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	840.000	840.000
Số dư tại 31/12/2010	68.439.160.000	11.742.888.000	7.250.586.886	-	852.798.138	24.230.090.113	4.400.305.727	14.936.723.940	131.852.552.804
Số dư tại 01/01/2011	68.439.160.000	11.742.888.000	7.250.586.886	-	852.798.138	24.230.090.113	4.400.305.727	14.936.723.940	131.852.552.804
Tăng trong năm	11.632.610.000	-	-	-	861.291.110	-	-	17.941.783.528	30.435.684.638
Tăng vốn	11.632.610.000	-	-	-	-	-	-	-	11.632.610.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	17.941.783.528	17.941.783.528
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	861.291.110	-	-	-	861.291.110
Giảm trong năm	-	955.735.234	-	467.410.000	1.550.665.882	-	-	12.129.491.977	15.103.303.093
Mua lại cổ phần	-	955.735.234	-	467.410.000	-	-	-	-	1.423.145.234
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	11.632.610.000	11.632.610.000
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	1.550.665.882	-	-	-	1.550.665.882
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	496.881.977	496.881.977
Số dư tại 31/12/2011	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	163.423.366	24.230.090.113	4.400.305.727	20.749.015.491	147.184.934.349



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	68.439.160.000	59.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	11.632.610.000	9.439.160.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	80.071.770.000	68.439.160.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.632.610.000	8.897.090.800
Lợi nhuận phân phối các quỹ	-	9.471.595.701

c. Cổ tức

Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

Năm 2011
Thông báo tạm ứng cổ tức 8%

d. Cổ phiếu

	Năm 2011 Cổ phiếu	Năm 2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	6.843.916	5.900.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký bán	1.163.261	943.916
Cổ phiếu phổ thông	1.163.261	943.916
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	46.741	-
Cổ phiếu phổ thông	46.741	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.843.916	6.843.916
Cổ phiếu phổ thông	8.007.177	6.843.916
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu***e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	24.230.090.113	24.230.090.113
Quỹ dự phòng tài chính	4.400.305.727	4.400.305.727

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.19. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng	403.951.675.442	352.918.036.282
Doanh thu khác	182.525.595	48.660.198
Tổng	404.134.201.037	352.966.696.480
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	606.475.921	244.844.931
Hàng bán bị trả lại	230.317.343	390.884.517
Tổng	836.793.264	635.729.448
Doanh thu bán hàng	403.114.882.178	352.282.306.834
Doanh thu khác	182.525.595	48.660.198
Doanh thu thuần	403.297.407.773	352.330.967.032

5.20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn hàng hóa	311.340.357.858	258.783.436.089
Giá vốn khác	75.990.956	-
Tổng	311.416.348.814	258.783.436.089

5.21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	307.260.517	166.688.184
Lãi bán cổ phiếu đầu tư	-	870.350.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.429.254.400	766.627.200
Lãi từ khoản chi trả hộ	900.549.000	2.869.213.269
Tổng	2.637.063.917	4.672.878.653

5.22. Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	23.168.478.663	12.600.440.766
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	1.892.237
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.355.802.001	6.810.578.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	621.888.000	431.085.000
Chi phí hoạt động tài chính khác	176.609.500	-
Tổng	30.322.778.164	19.843.996.130

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.23. Chi phí bán hàng

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên	7.594.886.262	5.986.837.599
Chi phí nguyên vật liệu	6.780.000	23.577.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	285.333.172	350.200.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.415.699.304	17.589.779.399
Chi phí khác bằng tiền	7.665.927.500	7.322.637.501
Tổng	36.968.626.238	31.273.032.452

5.24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên	12.228.245.555	9.477.958.651
Chi phí nguyên vật liệu	518.494.378	920.858.874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	814.578.325	907.571.310
Thuế phí lệ phí	546.513.601	617.070.965
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.134.334.144	1.388.277.597
Chi phí khác bằng tiền	5.061.644.762	6.337.451.967
Chi phí dự phòng	(4.484.651.906)	(7.835.653.787)
Tổng	15.819.158.859	11.813.535.577

5.25. Lợi nhuận khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập khác		
Thu bán phế liệu	253.504.260	-
Thu chênh lệch kiểm kê	-	219.577.230
Thu thanh lý tài sản	8.336.363.637	650.909.090
Thu học phí do chugoku	386.216.446	-
Thu nhập khác	109.956.834	13.457.600
Tổng	9.086.041.177	883.943.920
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	133.149.581
Chi phí khác	53.506.119	3.530.000
Tổng	53.506.119	136.679.581
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	9.032.535.058	747.264.339

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.979.821.428	37.091.100.776
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.429.254.400	1.787.637.200
<i>Có tác lợi nhuận được chia</i>	<i>1.429.254.400</i>	<i>1.787.637.200</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	19.550.567.028	35.303.463.576
Thu nhập chịu thuế (Thuế suất 25%)	19.000.663.870	34.087.236.476
Thu nhập chịu thuế (Thuế suất 15%)	1.931.153	1.216.227.100
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.750.455.640	8.704.243.184
Thuế TNDN được ưu đãi do đầu tư mở rộng sản xuất Dự án 1	-	1.812.224.390
Thuế TNDN được ưu đãi do đầu tư mở rộng sản xuất Dự án 2	423.256.354	795.371.944
Ưu đãi 30% thuế TNDN của năm 2011	1.298.072.884	-
Thuế thu nhập từ dự án đầu tư Nhà máy son được miễn	289.673	182.434.065
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.028.836.729	5.914.212.785

5.27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	17.942.739.449	30.850.009.127
Lợi ích của cổ đông thiểu số	955.921	604.372.402
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	17.941.783.528	30.245.636.725
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.525.938	6.140.505
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.384	4.926

5.28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229.310.409.604	216.629.486.802
Chi phí nhân công	34.014.930.054	26.059.296.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.227.525.549	8.856.449.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.362.772.893	24.438.372.888
Chi phí khác bằng tiền	14.954.512.839	15.145.163.972
Chi phí dự phòng	(4.512.043.757)	(7.835.653.787)
Tổng	306.358.107.182	283.293.116.170



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và Thù lao	3.139.703.727	2.437.285.205

Số dư với các bên liên quan

Số dư các bên liên quan	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Sivico	1.941.865.250	157.668.977
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	-	272.727.272
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	26.592.073.115	28.941.866.320
Trả trước cho người bán		
Công ty TNHH Vico	10.076.880.000	-
Phải thu khác		
Công ty TNHH Sivico	200.000.000	1.660.000.000
Công ty TNHH Vico	1.213.254.400	606.627.200
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	2.000.000.000	407.750.000
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	1.322.471.792	-
Người mua ứng tiền trước		
Công ty TNHH Vico	1.388.200.000	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Vay Công ty CP Sơn và Bất động sản Á Châu	3.453.864.333	1.900.000.000

08/3/12
 CÔNG TY
 DANH
 TOÁN
 NAM
 TP. HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Bán hàng hóa, dịch vụ			
Công ty TNHH Sivico	Bán hàng hóa	3.620.144.286	322.189.251
Công ty TNHH Vico	Bán hàng hóa	23.419.200.000	8.201.580.510
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Bán hàng hóa	11.475.686.055	8.534.867.222
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	Bán hàng hóa	34.214.148	-
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty TNHH Vico		24.656.254.545	8.197.300.000
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam		10.467.620.986	5.117.155.049
Chia lãi Công ty con, liên doanh			
Công ty TNHH Sivico		-	160.000.000
Công ty TNHH Vico		1.413.254.400	606.627.200
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam		-	407.750.000
Khoản cho vay			
Công ty TNHH Sivico		-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam		2.000.000.000	-
Khoản vay			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam		3.453.864.333	1.900.000.000

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán.

Kế toán trưởng



Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 6 tháng 4 năm 2012
Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Viện